

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 09-7-2020

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Tấn Tiên;

2. Ông Phan Tấn Cường.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02-6-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Kim N**, sinh năm: 1977. Địa chỉ: ấp P, xã S, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh ; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn D**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Ấp K, xã C, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện chung sống và kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D không quan tâm đến gia đình, hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn ngày càng nhiều và gay gắt nên chị và anh D không còn chung sống từ tháng 5-2012 đến nay, chị về nhà cha mẹ ruột tại ấp P, xã S sinh sống. Trong quá trình ly thân anh D không có hành động hay thái độ gì muốn đoàn tụ với chị. Nay chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với D

Về con chung : Có 01 con chung tên Lê Phú Q, sinh năm 2009, hiện con chung đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn D trình bày:

Anh D không tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Chị N thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh D được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng là tự từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Phú Q. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn D đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N, anh D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Dương Minh Châu. Chị N cho rằng quá trình hai bên chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do hai bên sống không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã, mâu thuẫn ngày càng nhiều nên từ tháng 5 năm 2012 chị và anh D không còn chung sống với nhau cho đến nay.

Thấy rằng, chị N, anh D đã không còn chung sống và quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2012 cho đến nay; quá trình giải quyết vụ án anh D không có thiện chí tham gia tố tụng để tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Phú Q, sinh ngày 01-10-2009.

Hiện con chung đang sống cùng chị N. Chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ khi hai bên không còn chung sống đến nay, anh D cũng không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến của anh về con chung. Do đó chấp nhận yêu

cầu nuôi con chung của chị N. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Kim N đối với anh Lê Văn D.

1.1. Chị Phan Thị Kim N và anh Lê Văn D chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Có một con chung: Lê Phú Q, sinh ngày 01-10-2009.

Chị Phan Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Phú Q. Ghi nhận chị Phan Thị Kim N không yêu cầu anh Lê Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Chị Phan Thị Kim N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004068 ngày 31-12-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

2.2. Anh Lê Văn D không phải chịu.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- UBND xã nơi cấp giấy CN kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

TẠ THỊ HẠ